

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 4 – 2021

“ V/v Chia tài sản chung sau ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Ân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Tuyết Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Từ ngày 05 đến ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 323/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về *“Chia tài sản chung sau ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX - ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Thanh G**, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Huỳnh Thiên S**, Văn phòng luật sư Huỳnh S, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Bị đơn: Chị **Bùi Thị Hương T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ cư trú: Số 77/29 Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 229/13, đường Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của chị T là ông **Lý Văn Đ**, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 25/45/11 khu phố 3, phường Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm: 1985 (Vắng có đơn xin vắng mặt ngày 16/9/2020).

Địa chỉ cư trú: ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh **Bùi Tiến V**, sinh năm: 1985 (Vắng có đơn xin vắng mặt ngày 28/8/2020).

Địa chỉ cư trú: Số 45/7, đường Bùi Thế Mỹ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Phạm Thanh G trình bày:* Anh và chị T đã ly hôn theo bản số 16/2019/HNGĐ/PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Lúc giải quyết chỉ giải quyết ly hôn chưa giải quyết phân tài sản chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị T có hai thửa đất, thửa số 103 diện tích 1.544,9m²; thửa số 104 diện tích 1.042,1m² (theo kết đo đạc thực tế thửa 103 diện tích 1.544,8m² và thửa 104 diện tích 1.042,2m²). Nguồn gốc 02 thửa đất này là mua của chị Ngân ở Trung Hiếu vào năm 2011. Khi mua là vợ chồng anh và vợ chồng anh Văn cùng hùn tiền mua. Mỗi bên hùn khoảng hơn 220.000.000đ. Khi mua xong vợ chồng anh để cho anh Văn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoảng năm 2014 khi đo vlap thì vợ chồng anh mua lại phần đất trên của anh Văn và để cho chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (do anh không biết chữ nên để mình chị T đứng tên). Giá mua lúc đó khoảng 240.000.000đ đến 260.000.00đ (anh không nhớ rõ). Khi mua đất hiện trạng là đất ruộng.

Sau đó anh có lên đất ở là 56,2m² và xây dựng trên đất 01 căn nhà cấp 4, trồng một số cây như dừa, ổi, bưởi...

Trước đây anh yêu cầu chị T có trách nhiệm chia cho anh phần tài sản chung là hai thửa đất 103 và 104 cụ thể anh yêu cầu: Chiều ngang 11,66m chiều dài 114,45m tổng diện tích 1.334,4m² đất tọa lạc tại ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị Bùi Thị Hương T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay tại phiên tòa anh xin rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung mà anh yêu cầu chia công sức đóng góp cho anh số tiền là 250.000.000đ do anh đã có công gìn giữ tôn tạo, chăm sóc và san lấp làm tăng giá trị đất. Ngoài ra anh đồng ý theo yêu cầu phản tố của chị T, anh tự nguyện di dời toàn bộ tài sản cá nhân của anh ra khỏi phần đất tranh chấp để lại trả lại nhà và đất cho chị T quản lý sử dụng.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn phản tố ngày 28/8/2020 bị đơn chị Bùi Thị Hương T do anh Lý Văn Được làm đại diện trình bày:** Theo yêu cầu của anh G thì chị T không đồng ý. Lý do phần tài sản này là chị T được em trai là Bùi Tiến Văn cho riêng cụ thể như sau:

Ngày 17/9/2013 anh Văn ký hợp đồng tặng cho riêng chị T phần đất 103 diện tích 1.544,9m² theo kết đo đạc thực tế có diện tích 1.544,8m². Ngày 15/10/2013 chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/7/2014 anh Văn tiếp tục ký hợp đồng tặng cho chị T thửa 104 diện tích 1.042,1m² đo đạc thực tế diện tích 1.042,2m². Ngày 26/8/2014 chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hai thửa đất trên tọa lạc tại ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Khi chị được ký tặng cho thì trên đất đã có sẵn cây trồng còn căn nhà thì vợ chồng cùng nhau xây dựng lên nhưng vật tư là do mẹ chị T cho (chở từ thành phố Hồ Chí Minh về).

Tại phiên tòa anh G xin thay đổi toàn bộ yêu cầu khởi kiện từ chia tài sản chung thành yêu cầu chia công sức đóng góp thì chị T cũng thống nhất và đồng ý chia cho anh G số tiền 100.000.000đ.

Nay chị T yêu cầu anh G phải di dời tài sản cá nhân ra khỏi phần đất và căn nhà trên để trả lại đất và nhà cho chị T để chị T quản lý sử dụng vì chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Tiến Văn trình bày*:

Vào khoảng năm 2011 anh mua của chị Ngân một phần đất diện tích 2.540m² thuộc thửa 124A và 124B tờ bản đồ số 7 (theo kết quả đo đạc thì nay thuộc thửa 103 diện tích 1.544,8m² và thửa 104 diện tích 1.042,2m²). Giá mua là hơn 400.000.000đ. Năm 2011 anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 17/9/2013 anh ký hợp đồng tặng cho riêng chị T phần đất 103 diện tích 1.544,9m² theo kết đo đạc thực tế có diện tích 1.544,8m². Ngày 15/10/2013 chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/7/2014 anh tiếp tục ký hợp đồng tặng cho chị T thửa 104 diện tích 1.042,1m² đo đạc thực tế diện tích 1.042,2m². Ngày 26/8/2014 chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hai thửa đất trên tọa lạc tại ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Khi anh mua đất của chị Ngân thì anh đã trồng một số cây trên đất và có xây dựng căn nhà lá đến khi cho chị T thì chị T xây dựng nhà cấp 4. Anh G chị T chỉ có công xây dựng còn toàn bộ vật tư đều do mẹ anh cho. Anh G làm công vẫn được mẹ anh trả tiền.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh G thì anh không đồng ý do phần đất trên anh mua và cho riêng mình chị T không có cho anh G.

* *Tại bảng tường trình ngày 19/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thúy trình bày*: Năm 2011 anh Bùi Tiến Văn có nhận chuyển nhượng của chị Ngân một phần đất diện tích 2.540m² thửa số 103 và 104 nhưng do anh Văn ở thành phố Hồ Chí Minh nên không tiện đứng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có nhờ chị đứng tên giùm. Năm 2013 anh Văn có nói với chị phần đất trên tặng riêng cho

chị T nên nhờ chị ra xã ký tên hợp đồng tặng cho lại cho chị T và chị đã ký làm thủ tục tách thửa sang tên xong. Chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.

** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Trước đây anh G có yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích 2.540m² thuộc thửa 124A và 124B tờ bản đồ số 7 (theo kết quả đo đạc thì nay thuộc thửa 103 diện tích 1.544,8m² và thửa 104 diện tích 1.042,2m²). Nay tại phiên tòa anh G xin thay đổi yêu cầu trên. Anh G chỉ yêu cầu chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung do anh G có công tôn tạo, gìn giữ làm tăng giá trị đất số tiền là 250.000.000đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi trong quá trình chung sống với chị T anh G đã cải tạo đất ruộng thành đất vườn và trồng cây có thu huê lợi, anh G cũng là người trực tiếp canh tác, anh G đã đưa ra được chứng cứ chứng minh đất hiện nay giá trị đã tăng lên rất nhiều (giá đất thực tế còn cao hơn giá nhà nước đã định). Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:* Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh G. Buộc chị T có trách nhiệm chia cho anh G tiền công sức đóng góp tôn tạo, gìn giữ khối tài sản chung số tiền là 250.000.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh G là di dời toàn bộ tài sản cá nhân ra khỏi phần đất tranh chấp thuộc thửa 103 diện tích 1.544,8m² và thửa 104 diện tích 1.042,2m² trả lại căn nhà và phần đất cho chị T quản lý sử dụng.

- Chi phí khảo sát và định giá tài sản là 4.423.000đ anh G tự nguyện chịu toàn bộ anh G đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Án phí: Chị T chịu toàn bộ án phí nên chị T phải nộp số tiền là 12.500.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số

N⁰ 0008382 ngày 28/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V chị T phải nộp thêm số tiền 12.200.000đ. Anh G không phải nộp án phí.

* Tài liệu chứng cứ trong vụ án: Bản án; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đơn xin xác nhận; Bảng tường trình; giấy ủy quyền; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phiếu chuyển thông tin địa chính; thông báo nộp lệ phí trước bạ; tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai cá nhân; đơn yêu cầu sớm giải quyết; Bảng tường trình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đơn yêu cầu khảo sát đo đạc; thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bản án phúc thẩm và sơ thẩm; bản cung cấp thông tin tài liệu; văn bản chấm dứt ủy quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết buộc chị Bùi Thị Hương T chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh G và chị T đây là vụ án hôn nhân gia đình; thuộc loại vụ việc tranh quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp ở huyện Vũng Liêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa anh G xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu được chia công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân số tiền là 250.000.000đ Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh G xin thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Tiến Văn và chị Phạm Thị Thúy có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 10/7/2019 anh G có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 1.544,8m² thuộc thửa 103 – 1; 103 – 2 và thửa số 104 -1; 104 - 2 diện tích 1.042,2m² do chị Bùi Thị Hương T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long trên đất có gắn căn nhà cấp 4. Nguồn gốc hai thửa đất trên theo anh G trình bày là vợ chồng anh nhận chuyển nhượng với giá khoảng 440.000.000đ.

- Anh G và chị T đã ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 16/2019/HNGĐ – PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long khi đó phần tài sản chung là hai thửa đất trên chưa được giải quyết.

- Tại phiên tòa anh Phạm Thanh G xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được chia công sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản chung với số tiền là 250.000.000đ. Vì anh G cho rằng trong quá trình chung sống với chị T anh G đã cải tạo từ đất ruộng lên đất vườn, trồng cây đến nay đã có huê lợi. Anh G cũng là người trực tiếp quản lý, canh tác từ khi mua đất cho đến nay.

- Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Thứ nhất: Tại đơn xin xác nhận ngày 17/9/2020 ông Trương Văn Khải; bà Nguyễn Thị Bé Ba; anh Trần Chí Hiếu; ông Lữ Văn Vàng xác nhận: Ông Vàng có nhận san lấp mặt bằng cho anh G số tiền 41.000.000đ; anh Hiếu có nhận thi công nhà khung gỗ, vách tol, mái lợp tol cho anh G số tiền là 14.000.000đ. Bà Ba có bán các loại ống cống cho anh G số tiền là 20.250.000đ. Ông Khải xác nhận có bán cho anh G vật liệu xây dựng gồm cát, đá, xi măng với số tiền là 31.000.000đ. Tổng cộng là 106.250.000đ.

+ Thứ hai: Hiện nay giá trị đất tại phần đất tranh chấp đã tăng hơn giá trị mua lúc ban đầu cụ thể lúc mua đất chỉ khoảng 440.000.000đ (do nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá) nhưng hiện nay giá đất đã tăng. Theo biên bản định giá ngày 04/11/2019 giá đất vườn vị trí 01 là 700.000đ/m².

+ Thứ ba: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị T cũng thống nhất chia công sức đóng góp cho anh G số tiền 100.000.000đ. Như vậy, chị T cũng đã thừa nhận anh G có công sức đóng góp trong khối tài sản chung nêu trên.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét công sức đóng góp của anh G là có thật nên việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G là phù hợp theo quy định tại Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu phản tố của chị T là yêu cầu anh G phải di dời tài sản cá nhân ra khỏi phần đất và căn nhà trên để trả lại đất và nhà cho chị T để chị T quản lý sử dụng vì chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh G đồng ý theo yêu cầu của chị T nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh G là anh G sẽ di dời toàn bộ tài sản cá nhân ra khỏi phần đất tranh chấp và căn nhà để giao trả lại đất và nhà cho chị T quản lý sử dụng.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 4.423.000đ. Anh G tự nguyện chịu toàn bộ nên anh G phải nộp số tiền 4.423.000đ anh G đã nộp đủ không phải nộp thêm.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh G không phải nộp án phí nên hoàn trả lại cho anh G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.850.500đ theo biên lai thu số N⁰ 0007510, ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Chị T chịu toàn bộ án phí nên chị T phải nộp số tiền là 12.500.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số N⁰ 0008382 ngày 28/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V chị T phải nộp thêm số tiền 12.200.000đ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 61; Điều 62; Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh G. Buộc chị Bùi Thị Hương T có trách nhiệm chia công sức đóng góp cho anh Phạm Thanh G số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Bùi Thị Hương T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Thanh G là anh Phạm Thanh G di dời toàn bộ tài sản cá nhân ra khỏi phần đất tranh chấp thuộc thửa số 103 – 1; 103 – 2 diện tích 1.544,8m² và thửa 104 -1; 104 – 2 diện tích 1.042,2m² đất tọa lạc tại ấp Trường Hội, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do chị Bùi Thị Hương T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để giao trả lại đất, căn nhà và các cây trồng (theo biên bản định giá ngày 04/11/2019) cho chị Bùi Thị Hương T quản lý sử dụng.

* Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 4.423.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng). Anh Phạm Thanh G tự nguyện chịu toàn bộ nên anh Phạm Thanh G phải nộp số tiền 4.423.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng) anh Phạm Thanh G đã nộp đủ không phải nộp thêm.

* Về án phí sơ thẩm:

- Anh Phạm Thanh G không phải nộp án phí nên hoàn trả lại cho anh Phạm Thanh G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.850.500đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007510, ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Chị Bùi Thị Hương T chịu toàn bộ án phí nên chị Bùi Thị Hương T phải nộp số tiền là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008382 ngày 28/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V chị Bùi Thị Hương T phải nộp thêm số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Ân